

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Nguyễn Thị Hồng Hạnh¹, Trần Thanh Lương², Nguyễn Thị Hải³

¹Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội

²UBND huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

³Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.6.095-107>

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Trong nghiên cứu sử dụng các phương pháp: điều tra thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp, sơ cấp, đánh giá theo thang đo 5 cấp của Likert, đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất (SDĐ) theo độ lệch giữa kế hoạch và kết quả thực hiện. Kết quả cho thấy có 95 chỉ tiêu chiếm tới 68,84% đạt mức thực hiện rất tốt; 17 chỉ tiêu SDĐ chiếm 12,32% thực hiện rất kém. Tỷ lệ thực hiện các công trình, dự án đạt rất thấp (chỉ đạt 25,35%). Số lượng công trình chưa được thực hiện, chuyển tiếp sang năm sau chiếm 64,08%. Lượng công trình bị hủy bỏ chiếm 10,56%. Kết quả điều tra cán bộ công chức, viên chức cho thấy việc thực hiện KHSDĐ huyện Điện Biên Đông là khá tốt. Có 1/6 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt và 5/6 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt. Để nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDĐ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác nhau; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công bố, công khai kịp thời nội dung quy hoạch (QH), KHSDĐ; nâng cao chất lượng phương án QH, KHSDĐ; đánh giá khả năng thực hiện các công trình, dự án.

Từ khóa: Huyện Điện Biên Đông, kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai, quy hoạch sử dụng đất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai vừa là tài nguyên, vừa là tài sản đặc biệt của quốc gia; đất đai không chỉ là nguồn lực để phát triển kinh tế mà còn là vấn đề an ninh, chính trị, ổn định xã hội của đất nước (Nguyễn Thị Hồng Hạnh và cs, 2016). QH, KHSDĐ có vai trò phân bổ quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), quốc phòng - an ninh của cả nước và các địa phương. QH, KHSDĐ đã và đang đảm bảo quản lý, phân bổ nguồn tài nguyên hữu hạn cho phát triển KT - XH nói chung, cho các ngành, lĩnh vực nói riêng và gìn giữ cho các thế hệ mai sau (Chu Văn Thịnh và cs, 2020).

Quản lý QH, KHSDĐ là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) cấp huyện là một trong những căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) cấp huyện. Đó là căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. KHSDĐ là việc phân chia QHSDĐ theo thời gian để thực hiện trong kỳ QHSDĐ (Quốc hội, 2013). Trong những năm qua công tác quản lý đất đai có

những tiến bộ đáng kể, trong đó QH, KHSDĐ là một công cụ quan trọng, góp phần sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững. Thực tiễn cho thấy, QH, KHSDĐ trong suốt thời gian qua đã góp phần tăng nguồn thu từ đất, góp phần đáng kể trong tăng trưởng kinh tế, tăng GDP; đã góp phần quan trọng vào phát triển KT - XH của đất nước.

Điện Biên Đông là huyện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Điện Biên cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 51 km với diện tích tự nhiên 120.686,25 ha (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông, 2021). Trong những năm qua, nhiều công trình kết cấu hạ tầng của huyện được đầu tư xây dựng, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển văn hóa xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, cải thiện đáng kể điều kiện sản xuất và đời sống cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Nghiên cứu này nhằm đánh giá kết quả thực hiện KHSDĐ hàng năm của huyện Điện Biên Đông giai đoạn năm 2016 - 2021 và đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện QH, KHSDĐ trên địa bàn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu

Thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp từ các sở, ban, ngành của tỉnh Điện Biên và từ các phòng, ban của huyện Điện Biên Đông. Thu thập số liệu sơ cấp từ điều tra thực địa và điều tra 50 cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện QH, KHSDD (Phòng Tài nguyên và Môi trường 10 phiếu, Trung tâm Quản lý đất đai 12 phiếu, Cán bộ quản lý và cán bộ địa chính các xã, thị trấn trên địa bàn 28 phiếu) với các chỉ tiêu đánh giá theo là: sự quan tâm của các cấp, các ngành; tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện; công khai QH, KHSDD; sự phù hợp của phương án QH, KHSDD với địa phương; xử lý vi phạm; quản lý QH, KHSDD.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu thu thập được phân nhóm, thống kê và xử lý bằng Excel, SPSS theo các chỉ tiêu SDD và theo năm. Kết quả thực hiện KHSDD được đánh giá bằng phương pháp so sánh giữa kết quả đã thực hiện được với KHSDD đã được phê duyệt với 2 loại so sánh: so sánh giá trị tuyệt đối (theo ha) và so sánh tương đối (tỉ lệ %). Về tỉ lệ % được chia thành các nhóm tính theo giá trị chênh lệch d ($d = |\text{kết quả thực hiện} - \text{KH}|$). Có 5 mức đánh giá là: 1 điểm nếu $|d| < 10\%$ - mức rất tốt; 4 điểm nếu $|d| = 10\% - 20\%$ - mức tốt; 3 điểm nếu $|d| = 20,01\% - 30\%$ - mức trung bình; 2 điểm nếu $|d| = 30,01\% - 40\%$ - mức kém và 1 điểm nếu $|d| > 40\%$ mức rất kém. Kết quả thực hiện các công trình, dự án theo KHSDD đã duyệt được đánh giá qua số lượng công trình, dự án theo KHSDD hàng năm. Ngoài ra có điều tra 50 cán bộ có liên quan đến thực hiện KHSDD tại huyện Điện Biên Đông với 6 tiêu chí đánh giá như trình bày trong bảng 6. Thang đo 5 mức điểm của Likert được sử dụng (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008); (Likert R, 1932) để đánh giá với 5 mức độ từ: rất cao/rất tốt (mức 5) đến rất thấp/rất kém (mức 1). Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: rất cao: $\geq 4,20$

điểm; cao: 3,40 điểm - 4,19 điểm; trung bình: 2,60 điểm - 3,39 điểm; thấp: 1,80 điểm - 2,59 điểm; rất thấp: $< 1,80$ điểm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm huyện Điện Biên Đông

Huyện có diện tích tự nhiên là 120.686,25 ha. Trong đó, diện tích đất phi nông nghiệp là 3.017,70 ha, chiếm 2,5%; diện tích đất nông nghiệp là 113.847,74 ha, chiếm tới 94,33% và vẫn còn 3,17% với 3.820,82 ha đất chưa sử dụng. Cơ cấu kinh tế năm 2021 của huyện là: nông lâm thủy sản chiếm 63,64%; công nghiệp xây dựng chiếm 15,52%; thương mại, dịch vụ chiếm 20,84% (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông, 2022). Các nội dung quản lý nhà nước về đất đai cơ bản đã đi vào nền nếp và đạt được những hiệu quả nhất định. QH, KHSDD sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức công bố công khai và thực hiện theo quy định làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện KHSDD hàng năm giai đoạn 2016-2021 huyện Điện Biên Đông

Từ năm 2016 đến 2021, việc thực hiện QH, KHSDD tại huyện Điện Biên Đông chia thành 2 giai đoạn theo 2 phương án QHSDD, cụ thể:

- Giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 5/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về Điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 của huyện Điện Biên Đông và KHSDD hàng năm của huyện.

- KHSDD năm 2021 được thực hiện theo Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt KHSDD năm 2021 huyện Điện Biên Đông và Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào KHSDD năm 2021 cấp huyện.

3.2.1. Đánh giá theo chỉ tiêu sử dụng đất

- Giai đoạn 2016-2020:

KHSDD năm 2016 huyện Điện Biên Đông được phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 11/04/2016 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào KHSDD năm 2016 cấp huyện. Số liệu trong bảng 1 và 2 cho thấy nhóm đất nông nghiệp thực hiện được 101.857,67 ha, chỉ vượt 0,05% kế hoạch với 55,35 ha. Tất cả các các chỉ tiêu SDD nông nghiệp thực hiện đạt mức tốt so với kế hoạch, cả 6 chỉ tiêu đều vượt kế hoạch từ 0 đến 0,18%. Trong đó đất trồng cây hàng năm khác vượt nhiều nhất với 45,49 ha, nguyên nhân được xác định do nguồn vốn thực hiện các công trình trong kế hoạch lấy từ loại đất này hạn hẹp nên chỉ thực hiện được hơn 50% kế hoạch các công trình. Đất phi nông nghiệp thực hiện thấp hơn đạt 97,71% so với kế hoạch. Hầu hết các chỉ tiêu SDD đều đạt kế hoạch. Một số chỉ tiêu SDD có tỉ lệ thực hiện rất thấp như đất an ninh chỉ đạt 36,1%; đất quốc phòng đạt 79,13% so với kế hoạch. Nguyên nhân được xác định là do hạn hẹp về nguồn vốn ngân sách để thực hiện xây dựng các công trình theo kế hoạch, một phần nguồn vốn ưu tiên cho các chương trình dự án phát triển và giảm nghèo của huyện nên chưa có kinh phí để thực hiện các dự án trên. Đất ở đô thị đạt 78,81%, do chưa bố trí được mặt bằng phù hợp để đấu giá quyền sử dụng đất. Đất chưa sử dụng vượt 0,09% so với kế hoạch với 13,79 ha. Do trong năm 2016 chưa thực hiện một số dự án theo kế hoạch nên dẫn đến chỉ tiêu đất chưa sử dụng không đạt kế hoạch đề ra.

KHSDD năm 2017 huyện Điện Biên Đông được phê duyệt tại Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 09/03/2017 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 27/09/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào KHSDD năm 2017 cấp huyện. Diện tích đất nông nghiệp được phê duyệt là 101.714,23 ha, diện tích thực hiện được là 101.827,67 ha, vượt

so với kế hoạch đề ra là 0,11% với 113,44 ha. Tất cả các các chỉ tiêu SDD nông nghiệp thực hiện đạt mức thực hiện tốt so với kế hoạch, cả 6 chỉ tiêu đều vượt kế hoạch từ 0 đến 0,30%. Trong đó đất lúa vượt 15,44 ha; đất trồng cây hàng năm khác vượt 70,99 ha; đất cây lâu năm vượt 1,23 ha; đất rừng phòng hộ vượt 9,86 ha; đất rừng sản xuất vượt 15,91 ha nguyên nhân được xác định là do khó khăn về nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện trong năm 2017. Diện tích đất phi nông nghiệp là 3.120,04 ha, năm 2017 thực hiện được 2.988,91 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 131,13 ha. Một số chỉ tiêu SDD có tỉ lệ thực hiện rất thấp như đất an ninh chỉ đạt 14,81%; đất ở đô thị đạt 76,73%; đất quốc phòng đạt 78,9%; đất phát triển hạ tầng đạt 92,61% so với kế hoạch. Đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện là 8,87 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt là 8,43 ha. Nguyên nhân là do cập nhật lại số liệu hiện trạng di tích Tháp Mường Luân, Tháp Chiềng Sơ và Hang Mường Tỉnh. Đất chưa sử dụng thực hiện 15.869,66 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra là 17,69 ha. Nguyên nhân là do thiếu vốn để thực hiện việc đưa đất chưa sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp xây dựng các công trình, dự án.

KHSDD năm 2018 huyện Điện Biên Đông được phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 07/09/2018 của UBND tỉnh Điện Biên. Diện tích đất nông nghiệp được phê duyệt là 101.468,60 ha, năm 2018 diện tích thực hiện được là 101.825,01 ha, diện tích vượt so với kế hoạch đề ra là 356,41 ha. 6 chỉ tiêu SDD nông nghiệp đều vượt so với kế hoạch, từ 0 đến 0,45%. Đất cây hàng năm khác vượt nhiều nhất với 297,6 ha; tiếp đến là đất rừng sản xuất vượt 23,62 ha. Do chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư xây dựng nên chưa thực hiện được các công trình theo kế hoạch. Diện tích đất phi nông nghiệp không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 628,88 ha. Một số chỉ tiêu SDD thực hiện đạt tỷ lệ rất thấp như đất an ninh chỉ đạt 22,86%; đất phát triển hạ tầng đạt 55,16%; đất

ở đô thị đạt 72,99%; đất quốc phòng đạt 78,9%. Nguyên nhân đều do thiếu vốn và khó khăn trong công tác bố trí mặt bằng để thực hiện công trình, dự án theo kế hoạch. Đất sông, suối vượt 30,94% với 259,58 ha. Nguyên nhân, theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đất sông suối giảm 269,98 ha để thực hiện 4 công trình thủy điện. Tuy nhiên, đến nay mới thực hiện được công trình thủy điện Na Son với diện tích 10,40 ha. Do đó, diện tích không đạt so với kế hoạch được duyệt. Đất chưa sử dụng vượt 272,47 ha do chưa thực hiện chuyển sang các công trình phi nông nghiệp.

KHSDD năm 2019 huyện Điện Biên Đông được phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 21/03/2019 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 20/08/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào KHSDD năm 2019 cấp huyện. Diện tích đất nông nghiệp vượt so với kế hoạch đề ra là 4.047,47 ha. Đất trồng cây hàng năm khác không đạt so với kế hoạch 5.117,37 ha sự chênh lệch này được xác định do cập nhật lại hiện trạng đất di tích lịch sử văn hóa. Các chỉ tiêu vượt kế hoạch nhiều nhất là đất rừng phòng hộ vượt 5.615,05 ha; đất rừng sản xuất vượt kế hoạch 3.546,26 ha. Nguyên nhân được xác định do chưa thực hiện các công trình hạ tầng giao thông, điện lưới Quốc gia. Ngoài ra còn do cập nhật lại diện tích đất di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện. Đất phi nông nghiệp đạt 81,81% so với kế hoạch. Có 6/17 chỉ tiêu SDD đạt kế hoạch. 9/17 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (<100%), chỉ tiêu đạt thấp nhất là đất an ninh là 22,39%; tiếp theo là đất phát triển hạ tầng đạt 53,54%; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đạt 70,37%; đất ở đô thị đạt 75,98%; đất quốc phòng đạt 78,9%. Nguyên nhân được xác định là do huyện chưa bố trí được nguồn vốn và quỹ đất, mặt bằng để thực hiện công trình, dự án theo kế hoạch. Có 2/17 chỉ tiêu vượt kế hoạch là đất di tích lịch sử văn hóa vượt 126,49% do cập nhật thêm diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa trên

địa bàn huyện và đất sông suối vượt 270,08 ha do chưa thực hiện các công trình thủy điện. Đất chưa sử dụng thực hiện đạt 78,32%, nguyên nhân diện tích đất chưa sử dụng giảm nhiều so với kế hoạch là do rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng.

KHSDD năm 2020 huyện Điện Biên Đông được phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 24/04/2020 của UBND tỉnh Điện Biên. Đất nông nghiệp thực hiện đạt 108,48% kế hoạch với 8.900,36 ha. Có 5/6 chỉ tiêu đất nông nghiệp vượt kế hoạch từ 0,34 đến 12,84%. Đất lúa vượt 1.587,51 ha; đất trồng cây hàng năm khác vượt 7.137,05 ha; đất rừng phòng hộ vượt 1.185,92 ha; đất nuôi trồng thủy sản vượt 37,25 ha đều do chưa thực hiện các công trình, dự án và chủ yếu do điều chỉnh số liệu hiện trạng theo kết quả kiểm kê đất đai. Có 1/6 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch: đất rừng sản xuất không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 1.049,73 ha do điều chỉnh số liệu hiện trạng đầu kỳ năm 2020 theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019. Đất phi nông nghiệp thực hiện đạt 77,49% kế hoạch. Có 1/18 chỉ tiêu đạt kế hoạch (100%). Có 6/18 chỉ tiêu vượt kế hoạch, trong đó vượt nhiều nhất là đất sông suối vượt 280,68 ha do cả 7 công trình thủy điện theo kế hoạch đều chưa thực hiện và do điều chỉnh số liệu hiện trạng đầu kỳ năm 2020 theo kết quả kiểm kê đất đai. Có 10/18 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (< 100%), trong đó đất khu vui chơi giải trí công cộng là 0 ha; đất an ninh đạt 12,65%; đất di tích lịch sử - văn hóa đạt 33% do các công trình dự án chưa được thực hiện và điều chỉnh số liệu hiện trạng đầu kỳ năm 2020 theo kết quả kiểm kê đất đai. Có 1/18 chỉ tiêu phát sinh ngoài quy hoạch là đất phi nông nghiệp khác, vượt 0,24 ha do điều chỉnh số liệu hiện trạng đầu kỳ năm 2020 theo kết quả kiểm kê đất đai. Đất chưa sử dụng không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 8.032,98 ha. Nguyên nhân do 11 công trình dự án theo kế hoạch chưa được thực hiện và điều chỉnh số liệu hiện trạng đầu kỳ năm 2020 theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

Bảng 1. Kết quả thực hiện KHSDD huyện Điện Biên Đông giai đoạn 2016 - 2020

Đơn vị tính: ha

Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã LD	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Tổng diện tích tự nhiên		120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24	120.686,24
Đất nông nghiệp	NNP	101.802,32	101.857,67	101.714,23	101.827,67	101.468,60	101.825,01	101.422,49	105.469,96	104.975,33	113.875,69
Đất trồng lúa	LUA	16.963,53	16.963,54	16.944,35	16.959,79	16.936,92	16.959,79	17.089,17	17.088,52	17.056,56	18.644,07
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	61.621,70	61.667,20	61.586,32	61.657,31	61.355,74	61.653,34	61.115,22	55.997,85	55.588,49	62.725,54
Đất trồng cây lâu năm	CLN	699,84	701,07	699,58	700,81	698,95	700,54	696,68	700,46	699,73	702,09
Đất rừng phòng hộ	RPH	16.991,33	16.991,39	16.967,13	16.976,99	16.967,03	16.977,06	16.952,26	22.567,31	22.539,52	23.725,44
Đất rừng sản xuất	RSX	5.231,40	5.239,96	5.222,35	5.238,26	5.216,15	5.239,77	5.275,05	8.821,31	8.797,14	7.747,40
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	294,52	294,52	294,51	294,52	293,82	294,52	294,12	294,52	293,9	331,15
Đất phi nông nghiệp	PNN	3.023,02	2.953,88	3.120,04	2.988,91	3.627,67	2.998,78	3.687,36	3.016,78	3.853,62	2.986,24
Đất quốc phòng	CQP	196,45	155,45	197,03	155,45	197,03	155,45	197,03	155,45	197,03	155,47
Đất an ninh	CAN	3,13	1,13	7,63	1,13	7,13	1,63	7,28	1,63	7,43	0,94
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,32	0,32	0,32	0,32	0,42	0,42	0,51	0,42	0,73	0,36
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,38	0,38	0,38	0,38	0,37	0,38	0,54	0,38	0,53	0,19
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	160,37	160,37	160,37	160,37	160,37	160,37	160,37	160,37	160,37	123,31
Đất phát triển hạ tầng	DHT	998,42	979,89	1.084,79	1.004,59	1.853,54	1.022,39	1.921,30	1.028,73	2.096,96	1.030,35

Kinh tế & Chính sách

Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã LD	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Đất di tích lịch sử văn hóa	DDT	0,44	0,44	0,44	8,87	8,87	8,87	8,87	20,09	20,09	6,63
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,61	7,61	7,61	7,61	7,61	7,61	7,61	7,61	7,61	7,61
Đất ở tại nông thôn	ONT	461,63	459,48	464,27	459,48	461,75	459,48	464,54	459,48	477,09	491,59
Đất ở đô thị	ODT	25,25	19,9	27,68	21,24	29,51	21,54	28,39	21,57	22,67	20,82
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,5	8,44	9	9	9,02	9,07	8,88	8,98	9,13	9,5
Đất xây dựng trụ sở cơ quan của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8	1,94
Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	44,31	44,31	44,31	44,31	44,31	44,31	44,31	44,31	44,12	49,23
Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	3,57	3,57	3,57	3,57	3,57	3,57	3,57	3,57	3,57	3,46
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,8	1,76	1,81	1,76	1,81	1,76	2,31	2,26	2,31	3,23
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	0
Đất sông, suối	SON	1.109,03	1.109,03	1.109,03	1.109,03	839,05	1.098,63	828,55	1.098,63	800,69	1.081,37
Đất phi nông nghiệp khác	PNK										0,24
Chưa sử dụng	CSD	15.860,91	15.874,69	15.851,97	15.869,66	15.589,97	15.862,45	15.576,38	12.199,49	11.857,29	3.824,31

Nguồn: UBND tỉnh Điện Biên, 2016; 2017^a; 2018; 2019; 2020

Bảng 2. Độ chênh lệch giữa kết quả thực hiện và KHSDĐ giai đoạn năm 2016 - 2020

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Độ chênh lệch giữa thực hiện và kế hoạch theo năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,05	0,11	0,35	3,99	8,48
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,00	0,09	0,14	0,00	9,31
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,07	0,12	0,49	-8,37	12,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,18	0,18	0,23	0,54	0,34
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,00	0,06	0,06	33,12	5,26
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	0,16	0,30	0,45	67,23	-11,93
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,00	0,00	0,24	0,14	12,67
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	-2,29	-4,20	-17,34	-18,19	-22,51
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-20,87	-21,10	-21,10	-21,10	-21,09
2.2	Đất an ninh	CAN	-63,90	-85,19	-77,14	-77,61	-87,35
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,00	0,00	0,00	-17,65	-50,68
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,00	0,00	2,70	-29,63	-64,15
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	0,00	0,00	0,00	-23,11
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	-1,86	-7,39	-44,84	-46,46	-50,86
2.7	Đất di tích lịch sử văn hóa	DDT	0,00	1915,91	0,00	126,49	-67,00
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	-0,47	-1,03	-0,49	-1,09	3,04
2.10	Đất ở đô thị	ODT	-21,19	-23,27	-27,01	-24,02	-8,16
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-0,71	0,00	0,55	1,13	4,05
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,00	0,00	0,00	0,00	7,78
2.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,00	0,00	0,00	0,00	11,58
2.14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	0,00	0,00	0,00	0,00	-3,08
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-2,22	-2,76	-2,76	-2,16	39,83
2.16	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			0,00	0,00	-100,00
2.17	Đất sông, suối	SON	0,00	0,00	30,94	32,60	35,05
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					*
3	Chưa sử dụng	CSD	0,09	0,11	1,75	-21,68	-67,75

Ghi chú: * chỉ tiêu SDD phát sinh ngoài QH, KHSDĐ

- Năm 2021:

KHSDĐ năm 2021 được lập và thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT nên hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất có sự thay đổi. Số liệu bảng 3 cho thấy: Đất nông nghiệp năm 2021 diện tích là 113.847,73 ha, cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 561,88 ha đạt 100,50% kế hoạch. Có 4/6 chỉ tiêu SDD nông nghiệp vượt kế hoạch. Nhiều nhất là đất trồng cây hàng năm khác vượt 1.112,14 ha; đất rừng phòng hộ vượt 50,83 ha nguyên nhân các chỉ tiêu vượt kế hoạch được xác định là do các công trình, dự án chưa được thực hiện theo kế hoạch và phần lớn do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2021. Có 2/6 chỉ tiêu không đạt kế hoạch là đất rừng sản xuất thấp hơn 520,94 ha so với kế hoạch do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2021; đất trồng

cây lâu năm diện tích thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra 134,52 ha, do kế hoạch được duyệt tăng 140 ha đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại xã Pu Nhi, đến nay dự án đang triển khai và chưa hoàn thiện nên diện tích thực hiện thấp hơn kế hoạch.

Đất phi nông nghiệp thực hiện đạt 78,84% kế hoạch, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 809,90 ha. Có 5/14 chỉ tiêu đạt kế hoạch đề ra. Có 1/14 chỉ tiêu vượt kế hoạch là đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra 217,83 ha. Nguyên nhân, theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đất sông suối giảm 236,18 ha để thực hiện 9 công trình phi nông nghiệp; đến nay có 1 công trình, dự án thực hiện xong giao đất một phần là thủy điện Mường Luân 1 với diện tích sử dụng đất

sông, suối: 18,56 ha. Phần diện tích chênh lệch còn lại là 0,21 ha do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2021. Có 8/14 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch. Trong đó, chỉ tiêu đạt kế hoạch thấp nhất là đất phát triển hạ tầng các cấp 52,78% thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 1.020,90 ha; theo kế hoạch được duyệt diện tích đất phát triển hạ tầng tăng 1.042,23 ha để thực hiện 25 công trình, đến nay có một công trình, dự án đã thực hiện giao đất 02 đợt là Thủy điện Mường Luân 1 với diện tích 28,42 ha, phần diện tích chênh lệch còn lại là 7,09 ha do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2021. Các chỉ tiêu còn lại chưa đạt nhưng mức độ chênh lệch so với kế hoạch đề ra không lớn. Nguyên nhân chủ yếu do

thiếu vốn để thực hiện các công trình, dự án theo kế hoạch và cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2021.

Theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất chưa sử dụng là 3.572,79 ha, năm 2021 diện tích là 3.820,82 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 248,02 ha. Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt đất chưa sử dụng giảm 249,52 ha để thực hiện 14 công trình, dự án phi nông nghiệp. Đến nay, có 1 công trình thực hiện xong và 1 công trình, dự án thực hiện xong một phần với diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là: 3,36 ha. Phần diện tích chênh lệch còn lại là 2,03 ha do cập nhật số liệu thống kê đất đai năm 2021.

Bảng 3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất huyện Điện Biên Đông năm 2021

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)	Tỉ lệ giữa kết quả/ thực hiện (%)	Độ chênh diện tích giữa kết quả/ thực hiện (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	113.285,85	113.847,73	100,50	0,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18.589,70	18.641,26	100,28	0,28
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	61.472,90	62.585,04	101,81	1,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	835,85	701,33	83,91	-16,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	23.780,50	23.831,33	100,21	0,21
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	8.278,61	7.757,67	93,71	-6,29
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	328,29	331,10	100,86	0,86
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.827,60	3.017,70	78,84	-21,16
2.1	Đất quốc phòng	CQP	155,47	155,47	100,00	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	1,09	0,94	86,24	-13,76
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,53	0,36	67,92	-32,08
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,19	0,19	100,00	0,00
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	123,31	123,31	100,00	0,00
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,46	3,46	100,00	0,00
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.162,04	1.141,14	52,78	-47,22
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,28	3,27	99,70	-0,30
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	509,07	503,19	98,84	-1,16
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	21,19	20,79	98,11	-1,89
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,65	9,50	98,45	-1,55
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,72	3,66	98,39	-1,61
2.13	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	834,36	1.052,18	126,11	26,11
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,25	0,25	100,00	0,00
3	Chưa sử dụng	CSD	3572,79	3820,82	106,94	6,94

Ghi chú: * chỉ tiêu SDD phát sinh ngoài QH, KHSDĐ

- **Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu SDD:**

Bảng 4. Kết quả thực hiện KHSDD giai đoạn năm 2016- 2021 theo mức độ chênh lệch về diện tích

DVT: số chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất	Tỉ lệ thực hiện/kế hoạch theo nhóm đất (%)	$ d < 10,0\%$	$ d \text{ từ } 10\% - 20\%$	$ d \text{ từ } 20,01\% - 30\%$	$ d \text{ từ } 31,01\% - 40\%$	$ d > 40\%$	Tổng số chỉ tiêu SDD
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém	
Năm 2016		20	0	2	0	1	23
Nông nghiệp	0,05	6	0	0	0	0	6
Phi nông nghiệp	-2,29	13	0	2	0	1	16
Chưa sử dụng	0,09	1	0	0	0	0	1
Năm 2017		19	0	2	0	2	23
Nông nghiệp	0,11	6	0	0	0	0	6
Phi nông nghiệp	-4,20	12	0	2	0	2	16
Chưa sử dụng	0,11	1	0	0	0	0	1
Năm 2018		19	0	2	1	2	24
Nông nghiệp	0,35	6	0	0	0	0	6
Phi nông nghiệp	-17,34	12	0	2	1	2	17
Chưa sử dụng	1,75	1	0	0	0	0	1
Năm 2019		12	1	4	2	4	23
Nông nghiệp	3,99	4	0	0	1	1	6
Phi nông nghiệp	-18,19	8	1	3	1	3	16
Chưa sử dụng	-21,68	0	0	1	0	0	1
Năm 2020		9	4	2	2	7	24
Nông nghiệp	8,48	3	3	0	0	0	6
Phi nông nghiệp	-22,51	6	1	2	2	6	17
Chưa sử dụng	-67,75	0	0	0	0	1	1
Năm 2021		16	2	1	1	1	21
Nông nghiệp	0,50	5	1	0	0	0	6
Phi nông nghiệp	-21,16	10	1	1	1	1	14
Chưa sử dụng	6,94	1	0	0	0	0	1
Tổng giai đoạn		95	7	13	6	17	138
Tỉ lệ so với tổng chỉ tiêu SDD (%)		68,84	5,07	9,42	4,35	12,32	100,00
Nông nghiệp		30	4	0	1	1	36
Phi nông nghiệp		61	3	12	5	15	96
Chưa sử dụng		4	0	1	0	1	6

Kết quả ở bảng 4 cho thấy: giai đoạn năm 2016 - 2021, trong số 138 chỉ tiêu SDD được đánh giá thì có tới 95 chỉ tiêu (chiếm tới 68,84%) đạt mức thực hiện rất tốt (tỉ lệ chênh lệch về diện tích < 10% so với kế hoạch). Trong đó có 30/36 chỉ tiêu đất nông nghiệp, 61/96 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp và 4/6 chỉ tiêu đất chưa sử dụng. Điều đó phản ánh thực tế là các chỉ tiêu SDD nông nghiệp đã bám sát nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Có 17 chỉ tiêu SDD (chiếm 12,32%) thực hiện rất kém (tỉ lệ chênh lệch diện tích > 40% kế hoạch). Trong đó có 1/36 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp, 15/96 chỉ tiêu đất phi nông

nghiệp và 1/6 chỉ tiêu đất chưa sử dụng. Có 13 chỉ tiêu (chiếm 9,42%) thực hiện ở mức trung bình (tỉ lệ chênh lệch diện tích 20,01- 30% kế hoạch) với 12 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp và 1 chỉ tiêu đất chưa sử dụng.

Năm 2020 là năm có kết quả thực hiện KHSDD kém nhất trong cả giai đoạn về chỉ tiêu sử dụng đất, có đến 7/24 chỉ tiêu SDD thực hiện ở mức rất kém và 2/24 chỉ tiêu ở mức kém. Nguyên nhân chủ yếu do các công trình, dự án không được thực hiện theo kế hoạch và cập nhật lại số liệu kiểm kê đất đai.

Bảng 5. Kết quả thực hiện các công trình, dự án theo KHSDD giai đoạn năm 2016 - 2021

Tiêu chí đánh giá	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
Tổng số công trình được duyệt	7	13	25	36	29	32	142
Số công trình đã thực hiện	5	5	9	11	2	4	36
Số công trình chưa thực hiện, chuyển năm sau	2	4	14	24	22	25	91
Số công trình bị hủy bỏ (không thực hiện)	0	4	2	1	5	3	15
Tỉ lệ thực hiện/kê hoạch (%)	71,43	38,46	36,00	30,56	6,90	12,50	25,35

3.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án

Số liệu ở bảng 5 cho thấy giai đoạn năm 2016 - 2021 thực hiện được 36/142 công trình, dự án, chỉ đạt 25,35%. Năm 2016 tỷ lệ thực hiện đạt cao nhất với 71,43% (5/7 công trình, dự án) và thấp nhất là năm 2020 với 6,90% (2/29 công trình, dự án). Số lượng công trình chưa được thực hiện, chuyển tiếp sang năm sau còn khá cao, với 91/142 công trình (chiếm

64,08%). Năm 2021 có số lượng công trình, dự án chuyển tiếp qua năm sau cao nhất với 25/32 công trình, dự án. Lượng công trình bị hủy bỏ là 15/142 công trình, dự án chiếm 10,56%. Các công trình, dự án phải hủy bỏ vì không đủ kinh phí thực hiện cũng như chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của huyện. Một số công trình đã thực hiện không đúng diện tích và vị trí như công trình giao thông, thủy lợi, đất ở đô thị, đất ở nông thôn; khu công nghiệp, thương mại dịch vụ.

Bảng 6. Đánh giá của công chức, viên chức về kết quả thực hiện QH, KHSDD

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Đánh giá chung
	Rất cao/ Rất tốt 5 điểm	Cao/ Tốt 4 điểm	Trung bình 3 điểm	Thấp/Kém 2 điểm	Rất thấp/ Rất kém 1 điểm	
Sự quan tâm của các cấp, các ngành	6	21	22	1	0	3,64
Tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện	5	17	26	1	1	3,48
Công khai QH, KHSDD	12	21	17	0	0	3,90
Sự phù hợp của phương án QH, KHSDD với địa phương	17	19	13	1	0	4,04
Xử lý vi phạm	28	11	10	1	0	4,32
Quản lý QH, KHSDD	11	19	17	1	2	3,72
Đánh giá chung						3,85

Ghi chú: Giá trị trung bình: Rất cao: $\geq 4,20$; cao: 3,40 - 4,19; trung bình: 2,60 - 3,39; thấp: 1,80 - 2,59; rất thấp: $< 1,80$

3.2.3. Đánh giá của cán bộ công chức, viên chức về tình hình thực hiện QH, KHSDD

Việc thực hiện QH, KHSDD huyện Điện Biên Đông được cán bộ đánh giá ở mức tốt với điểm trung bình là 3,85 điểm. Kết quả này tương ứng với kết quả nghiên cứu tại thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An với trung bình 3,54 điểm.

Có 1/6 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt (điểm trung bình $> 4,20$ điểm) là việc xử lý kịp thời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện sai phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Điều đó phản ánh những nỗ lực của chính quyền địa phương trong thời

gian vừa qua về vấn đề phát huy vai trò của các cấp Ủy đảng, chính quyền đến công tác quản lý đất đai và thực hiện nghiêm các quy định về thực hiện QH, KHSDD.

Có 5/6 tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức từ tốt trở lên là sự quan tâm của các cấp, các ngành; việc tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện; việc công khai QH, KHSDD; sự phù hợp của phương án với địa phương và việc quản lý QH, KHSDD.

3.3. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDD huyện Điện Biên Đông

3.3.1. Một số tồn tại

- Việc cập nhật, chỉnh lý biến động trên bản đồ địa chính không được thực hiện thường xuyên từ năm 2013 đến nay dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và giải quyết những vấn đề liên quan đến đất đai hoặc làm phát sinh tranh chấp.

- Việc phê duyệt các phương án QHSDĐ thường chậm hơn so với kế hoạch dẫn đến việc thực hiện QH, KHSDD cũng gặp những khó khăn nhất định.

- QHSDĐ còn nặng về phân bổ đất đai cho các công trình nhỏ lẻ chưa thể hiện được tầm nhìn chiến lược lâu dài và vai trò điều tiết vĩ mô của QHSDĐ. Các công trình, dự án chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách của Nhà nước nên tính phụ thuộc tương đối lớn, cùng với điều kiện phát triển kinh tế khó khăn của huyện dẫn đến việc phân bổ nguồn ngân sách cho các công trình, dự án còn hạn chế. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ các công trình được thực hiện theo KHSDD trong giai đoạn 2016-2021 còn đạt tỷ lệ thấp.

- Nhiều chỉ tiêu thực hiện kết quả rất thấp so với KHSDD như đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu vui chơi giải trí công cộng, đất phát triển hạ tầng các cấp, đất ở đô thị. Một số công trình rất cần thiết, có lộ trình thực hiện và phù hợp với mục tiêu phát triển của địa phương nhưng do ngân sách không bảo đảm nên triển khai chưa đúng kế hoạch, nhất là các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển và giao lưu KT - XH.

3.3.2. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDD

Công bố, công khai kịp thời nội dung QH, KHSDD; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực

hiện QH, KHSDD. Phát huy vai trò của cấp Ủy, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện QH, KHSDD.

Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư: Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển KT - XH trên địa bàn. Ngoài nguồn vốn đầu tư của nhà nước từ ngân sách, cần huy động vốn từ nhiều nguồn như tín dụng ưu đãi, vốn của các nhà đầu tư, huy động vốn cổ phần của các thành phần kinh tế để xây dựng các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật. Phát huy nguồn lực từ nhân dân.

Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực: Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở cấp huyện, cán bộ địa chính xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành. Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện KHSDD. Xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ, thực hiện và giám sát KHSDD tại địa phương.

Cần nâng cao trách nhiệm khi xây dựng, thẩm định, xét duyệt QH, KHSDD. Đảm bảo phương án QH, KHSDD phải thể hiện được tính khoa học, tính thời sự, vai trò điều tiết vĩ mô, tầm nhìn dài hạn và có sự tham gia lấy ý kiến rộng rãi của cộng đồng.

Đánh giá khả năng thực hiện các công trình, dự án; rà soát danh mục các công trình dự án mang tính trọng điểm; xác định cụ thể đối tượng đầu tư nhằm chủ động trong việc huy động vốn đầu tư từ tất cả các thành phần kinh tế và giảm tình trạng kéo dài quy hoạch các công trình, dự án gây ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của người dân.

4. KẾT LUẬN

Kết quả thực hiện KHSDD của huyện Điện Biên Đông trong giai đoạn 2016-2021 cho thấy hầu hết các chỉ tiêu KHSDD đất nông nghiệp đều đạt theo kế hoạch được duyệt, nhóm đất phi nông nghiệp năm 2016; 2017 thực hiện khá tốt đạt lần lượt là 97,71% và 95,8%; các năm từ 2018 – 2021 đạt chỉ tiêu thấp hơn; một số chỉ tiêu SDD đạt ở mức độ khá thấp như đất an ninh chỉ, đất phát triển hạ tầng... Các công trình dự án chưa thực hiện được do thiếu vốn hoặc chưa giải phóng được mặt bằng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có tới 95 chỉ tiêu (chiếm tới 68,84%) đạt mức thực hiện rất tốt; 17 chỉ tiêu SDD (chiếm 12,32%) thực hiện rất kém. Tỷ lệ thực hiện các công trình, dự án rất thấp (chỉ đạt 25,35%). Năm 2016 tỷ lệ thực hiện đạt cao nhất với 71,43% và thấp nhất là năm 2020 với 6,90%. Số lượng công trình chưa được thực hiện, chuyển tiếp sang năm sau còn khá cao, với 91/142 công trình (chiếm 64,08%). Lượng công trình bị hủy bỏ là 15/142 công trình, dự án chiếm 10,56%. Kết quả điều tra cán bộ, công chức, viên chức cho thấy việc thực hiện QH, KHSDD huyện Điện Biên Đông là khá tốt. Có 1/6 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt (điểm trung bình > 4,20 điểm) và 5/6 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt (trung bình chung từ 3,40 điểm – 4,19 điểm).

Để nâng cao hiệu quả thực hiện KHSDD cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khác nhau; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công bố, công khai kịp thời nội dung QH, KHSDD; nâng cao chất lượng phương án QH, KHSDD; đánh giá khả năng thực hiện các công trình, dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Duy Kiên, Phạm anh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2022). Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thị xã Hoàng Mai,

tỉnh Nghệ An. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn số 8, trang 89-100.

2. Chu Văn Thịnh, Nguyễn Đình Bồng, Nguyễn Quang Học, Chu An Trường, Nguyễn Đức Hùng, Nguyễn Thị Thu Hồng (2020). Quy hoạch sử dụng đất. Nxb Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam

3. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn An Thịnh, Vũ Lệ Hà (2016). Quy hoạch sử dụng đất bền vững. Nxb Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam

4. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nxb Thống kê, Hà Nội.

5. Likert R (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology. Vol, 140, No. 55.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông (2022). Báo cáo thống kê đất đai năm 2021 huyện Điện Biên Đông.

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Đất đai. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.

8. UBND tỉnh Điện Biên, (2016), Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 11/04/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

9. UBND tỉnh Điện Biên, (2017), Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 09/03/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

10. UBND tỉnh Điện Biên, (2018), Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 07/09/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

11. UBND tỉnh Điện Biên, (2019), Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 21/03/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

12. UBND tỉnh Điện Biên, (2019), Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 5/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

13. UBND tỉnh Điện Biên, (2020), Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 24/04/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

14. UBND tỉnh Điện Biên, (2021), Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Điện Biên Đông, Điện Biên.

ASSESS THE RESULTS OF IMPLEMENTATION OF THE ANNUAL LAND PLAN DIEN BIEN DONG DISTRICT, DIEN BIEN PROVINCE

Nguyen Thi Hong Hanh¹, Tran Thanh Luong², Nguyen Thi Hai³

¹Hanoi University of Natural Resources and Environment

²People's Committee of Dien Bien Dong District, Dien Bien province

³Vietnam National University of Forestry – Dong Nai Campus

SUMMARY

The study aims to assess the results and propose solutions to improve the efficiency of the implementation of annual land use plans in the Dien Bien Dong district, Dien Bien province. In the study, the following methods were used: survey and collection of documents, secondary and primary data, evaluation according to Likert's 5-level scale, and assessment of land use indicators according to the deviation between the plan and performance results. The results show that among 95 indicators accounting for 68.84% achieved very good performance; 17 indicators of land use accounting for 12.32% performed very poorly. The rate of implementation of projects was very low (only 25.35%). The number of projects that have not been implemented, carried forward to next year accounted for 64.08%. The number of canceled projects accounted for 10.56%. The results of the survey of civil servants and public employees show that the implementation of the land use planning and plan in the Dien Bien Dong district was quite good. There are 1/6 criteria rated as very good and 5/6 criteria rated as good. To improve the efficiency of the implementation of the master plan, the land use plan needs to synchronously implement the following solutions: Mobilize multiple capital sources and effectively manage and use different capital sources; improve the quality of human resources; promptly announce and publicize the contents of the master plan and plan on land use; improve the quality of planning and land use plans; evaluate the ability to implement works and projects.

Keywords: Dien Bien Dong district, land management, land use plan, land use planning.

Ngày nhận bài : 13/8/2022

Ngày phản biện : 16/9/2022

Ngày quyết định đăng : 27/9/2022